

BÀI 6:

HỢP CHUNG QUỐC HOA KÌ

Diện tích: 9.629 nghìn km²

Dân số: 320,7 triệu người (2015)

Thủ đô: Washington D.C

Thu nhập: 57.220 USD/người (2016)

I. LÃNH THỔ VÀ VỊ TRÍ ĐỊA LÍ

1. Lãnh thổ

- Phần lớn ở trung tâm Bắc Mỹ, bán đảo Alaska và quần đảo Hawaii.
 - Phần trung tâm:
 - + Khu vực rộng lớn, cân đối diện tích >8 triệu km², Đông - Tây: 4500km, Bắc - Nam: 2500km.
 - + Tự nhiên thay đổi từ Bắc xuống Nam, từ ven biển vào nội địa → khí hậu phân hóa sâu sắc.
- Hình dáng lãnh thổ Hoa Kỳ thuận lợi cho việc hình thành nhiều vùng kinh tế khác nhau.

2. Vị trí địa lí

- Phần lớn lãnh thổ Hoa Kỳ nằm trong khoảng: 25°B - 49°B, đường bờ biển dài, nên khí hậu **ôn hòa**, thuận lợi cho sản xuất và sinh hoạt.
- Nằm ở bán cầu **Tây**.
- Giữa Thái Bình Dương và Đại Tây Dương.
- Giáp Canada và Mexico.
- Gần các nước Mỹ Latin.

II. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

Lãnh thổ Hoa Kỳ có sự phân hóa đa dạng.

1. Phần lãnh thổ Hoa Kỳ nằm ở trung tâm Bắc Mỹ phân hóa thành 3 vùng tự nhiên

a. Vùng phía Tây - vùng Coocddie (Cordillera)

- Các dãy núi cao, trung bình trên 2000m, chạy song song hướng bắc nam, xen kẽ các bồn địa và cao nguyên
 - + Khí hậu hoang mạc và bán hoang mạc.
 - + Nhiều kim loại màu: vàng, đồng, chì, nhôm...
 - + Tài nguyên năng lượng phong phú.
- Đồng bằng duyên hải nhỏ, màu mỡ, đất tốt
 - + Khí hậu cận nhiệt đới và ôn đới hải dương.
 - + Diện tích rừng tương đối lớn.

b. Vùng Trung tâm: nằm giữa dãy Rocky và dãy Appalachia.

- Phía tây và phía bắc: gò đồi thấp.
 - + Khí hậu ôn đới lục địa.
 - + Giàu quặng sắt, than đá.
 - + Nhiều đồng cỏ.
- Phía nam: đồng bằng phù sa màu mỡ của sông Mississippi
 - + Khí hậu cận nhiệt đới.
 - + Giàu dầu mỏ, khí đốt.

c. *Vùng phía Đông*

- Dãy núi cổ Apalat (Appalachia)
 - + Giàu quặng sắt, than đá, thủy năng.
 - + Khí hậu ôn đới.
- Các đồng bằng ven biển Đại Tây Dương diện tích lớn
 - + Đất đai phì nhiêu.
 - + Khí hậu thay đổi từ cận nhiệt đới đến ôn đới.
- *Thiên tai thường xuyên: lốc xoáy, bão lụt, hạn hán, cháy rừng.*

2. *Alaska và Hawaii*

- Alaska: nằm ở phía tây lục địa Bắc Mỹ, giàu có dầu mỏ, khí tự nhiên lớn thứ 2 của Hoa Kỳ.
- Hawaii: là quần đảo nằm giữa Thái Bình Dương, có tiềm năng du lịch và hải sản.

III. DÂN CƯ

1. Dân số

- Dân số đứng thứ 3 thế giới sau Trung Quốc và Ấn Độ.
- Tăng nhanh, chủ yếu do nhập cư → đem lại tri thức, nguồn vốn, lực lượng lao động lớn.
- Có xu hướng **già hóa**.

2. Thành phần dân cư

- Thành phần dân cư rất phức tạp, nguồn gốc Âu chiếm 83%, ngoài ra còn có Mỹ Latinh, Á, Phi,... người bản địa chỉ chiếm 1%.
- sự bất bình đẳng giữa các nhóm dân cư → gây khó khăn cho sự phát triển kinh tế - xã hội.

3. Phân bố dân cư

- Không đều:
 - + Tập trung ở vùng Đông Bắc, các bang ven biển Đại Tây Dương, Thái Bình Dương.
 - + Thưa thớt ở vùng trung tâm và vùng núi hiểm trở phía tây.
- Xu hướng: chuyển từ vùng Đông Bắc về phía Nam và ven bờ Thái Bình Dương.
- Dân thành thị chiếm 79% (2004).
- 91,8% dân tập trung ở các thành phố vừa và nhỏ → hạn chế những mặt tiêu cực của đô thị.

Tiết 2: KINH TẾ

I. QUY MÔ NỀN KINH TẾ

- Nền kinh tế Hoa Kỳ giữ vị trí đứng đầu thế giới từ năm 1980 đến nay.
- GDP đứng đầu thế giới: 1791,7 tỷ USD (2015), chiếm 30,8% GDP thế giới.
- GDP bình quân đầu người: 57.220 USD/người (2016).

II. CÁC NGÀNH KINH TẾ

1. Các ngành dịch vụ

Khu vực dịch vụ phát triển mạnh: tỷ trọng trong GDP: 62,1% (1961); 77,6% (2016).

Các ngành dịch vụ	Đặc điểm
Ngoại thương	- Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu năm 2004: 2344,2 tỷ USD. - Chiếm 12% tổng kim ngạch thương mại thế giới. - Thường xuyên nhập siêu. Năm 2004, nhập siêu 707,2 tỷ USD.
Giao thông vận tải	- Hiện đại nhất thế giới. - Hàng không: nhiều sân bay nhất thế giới, 30 hãng hàng không, vận chuyển 1/3 tổng số hành khách thế giới. - Đường bộ có 6,43 triệu km đường ô tô và 226,6 nghìn km đường sắt. - Vận tải biển và đường ống phát triển.
Tài chính	- Có mặt trên toàn thế giới → tạo nguồn thu lớn. - Có hơn 600 nghìn tổ chức ngân hàng, thu hút 7 triệu lao động.
Thông tin liên lạc	- Rất hiện đại, cung cấp cho nhiều nước. - Nhiều vệ tinh và thiết lập hệ thống định vị toàn cầu (GPS).
Du lịch	- Phát triển mạnh: có 1,4 tỷ lượt du khách trong nước và 46 triệu lượt khách quốc tế (2004). - Doanh thu du lịch năm 2004: 74,5 tỷ USD.

2. Công nghiệp

Là ngành tạo nguồn hàng xuất khẩu chủ yếu của Hoa Kỳ

Các ngành CN	Đặc điểm
CN chế biến	Chiếm : 84,2 % giá trị hàng xuất khẩu của cả nước Thu hút : 40 triệu lao động (2004).
CN điện lực	Gồm: Nhiệt điện, điện nguyên tử, thủy điện. Các loại khác: Điện địa nhiệt, điện từ gió, điện mặt trời.
CN khai thác	- Nhất thế giới: photphat, mólípđen. - Nhì thế giới: vàng, bạc, đồng, chì, than đá. - Ba thế giới: dầu mỏ.

Sự thay đổi trong công nghiệp	
Cơ cấu	- Giảm tỷ trọng: dệt, luyện kim, đồ nhựa. - Tăng tỷ trọng: công nghiệp hàng không, vũ trụ, điện tử.
Phân bố	- Trước đây: chủ yếu ở vùng Đông Bắc (luyện kim, chế tạo ô tô, đóng tàu, hóa chất). - Hiện nay: mở rộng xuống vùng phía Nam và ven Thái Bình Dương (công nghiệp hàng không, vũ trụ, cơ khí, điện tử, viễn thông).

3. Nông nghiệp

Nông nghiệp Hoa Kỳ				
Đặc điểm chung	Sản lượng	Chuyển dịch cơ cấu	Hình thức tổ chức sản xuất	Xuất khẩu
- Nền nông nghiệp đứng đầu thế giới. - Nền nông nghiệp tiên tiến. - Tính chuyên môn hóa cao. Gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ.	- 105 tỷ USD - Chiếm 0,9% GDP.	- Giảm giá trị hoạt động thuần nông. - Tăng giá trị dịch vụ nông nghiệp.	- Trang trại. - Số lượng giảm. - Diện tích trung bình tăng.	- Lớn nhất thế giới. - Lúa mì: 10 triệu tấn; ngô 61 triệu tấn; đậu tương 17 triệu tấn. - Doanh thu: 61,4 tỉ USD

Tiết 3: THỰC HÀNH TÌM HIỂU SỰ PHÂN HÓA LÃNH THỔ SẢN XUẤT CỦA HOA KÌ
I. PHÂN HÓA LÃNH THỔ NÔNG NGHIỆP

		Cây lương thực	Cây CN và cây ăn quả	Chăn nuôi gia súc
Phía Đông		Lúa mì	Đậu tương, rau quả	Bò thịt, bò sữa
Trung tâm	Các bang phía Bắc	Lúa mạch	Củ cải đường	Bò, lợn
	Các bang ở giữa	Lúa mì và ngô	Đỗ tương, bông, thuốc lá	Bò
	Các bang phía Nam	Lúa gạo	Nông sản nhiệt đới	Bò, lợn
Phía Tây		Lúa mạch, lúa gạo	Lâm nghiệp, đa canh	Chăn nuôi bò, lợn

II. PHÂN HÓA LÃNH THỔ CÔNG NGHIỆP

	Vùng Đông Bắc	Vùng phía Nam	Vùng phía Tây
Trung tâm công nghiệp quy mô lớn	Boston, Baltimore, Pittsburgh, Cleveland, Minneapolis, Kansas City, Saint Louis.	Memphis, Atlanta, Dallas, Houston, New Orleans.	Seattle, San Francisco.
Trung tâm công nghiệp quy mô rất lớn	Detroit, New York, Philadelphia, Chicago.		Los Angeles.
Các ngành công nghiệp truyền thống	Hóa chất, thực phẩm, luyện kim, đóng tàu biển, dệt, cơ khí.	Đóng tàu, thực phẩm, dệt	Đóng tàu, sản xuất ô tô, luyện kim màu.
Các ngành công nghiệp hiện đại	Điện tử, viễn thông, sản xuất ô tô.	Chế tạo máy bay, chế tạo tên lửa vũ trụ, hóa dầu, điện tử, viễn thông, sản xuất ô tô.	Điện tử, viễn thông, chế tạo máy bay.

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM LUYỆN TẬP

Câu 1. Hoa Kỳ tiếp giáp trên đất liền với những quốc gia nào sau đây?

- A. Colombia và Uruguay.
- B. Uruguay và Mexico.
- C. Canada và Colombia.
- D. Mexico và Canada.

Câu 2. Hoa Kỳ tiếp giáp với những đại dương nào sau đây?

- A. Ấn Độ Dương và Đại Tây Dương.
- B. Thái Bình Dương và Đại Tây Dương.
- C. Đại Tây Dương và Bắc Băng Dương.
- D. Bắc Băng Dương và Ấn Độ Dương.

Câu 3. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với vị trí địa lí của Hoa Kỳ?

- A. Tiếp giáp với Canada và khu vực Mỹ Latin.
- B. Nằm ở bán cầu Bắc và phía nam giáp Mexico.
- C. Nằm giữa Đại Tây Dương và Ấn Độ Dương.
- D. Nằm ở trung tâm Bắc Mỹ, giáp Thái Bình Dương.

Câu 4. Hai bang của Hoa Kỳ nằm tách biệt với phần lãnh thổ ở trung tâm Bắc Mỹ là

- A. Nevada và Arizona.
- B. California và Kansas.
- C. Alaska và Hawaii.
- D. Colorado và Montana.

Câu 5. Hình dạng cân đối của lãnh thổ Hoa Kỳ ở phần đất trung tâm Bắc Mỹ thuận lợi cho

- A. phân bố dân cư và khai thác khoáng sản.
- B. phân bố sản xuất và phát triển giao thông.
- C. khai thác tài nguyên và phát triển du lịch.
- D. sản xuất nông nghiệp và xây dựng hải cảng.

Câu 6. Vị trí địa lí **không** mang lại thuận lợi nào sau đây cho Hoa Kỳ trong phát triển kinh tế?

- A. Lưu thông dễ dàng giữa miền Tây và miền Đông.
- B. Thuận lợi giao lưu với Tây Âu qua Đại Tây Dương.
- C. Tránh được sự ảnh hưởng của chiến tranh thế giới.
- D. Có Mỹ Latin là thị trường lớn, cung cấp nguyên liệu.

Câu 7. Vùng núi Cordilera gồm các dãy núi trẻ chạy song song theo hướng

- A. Đông Bắc - Tây Nam.
- B. Bắc - Nam.
- C. Đông - Tây.
- D. Tây Bắc - Đông Nam.

Câu 8. Ở vùng núi Cordilera, xen giữa các dãy núi trẻ chạy song song theo hướng bắc - nam là dạng địa hình nào sau đây?

- A. Thềm phù sa cổ, lòng chảo.
- B. Bán bình nguyên và đồi.
- C. Bồn địa và cao nguyên.
- D. Đồng bằng và sơn nguyên.

Câu 9. Các khoáng sản kim loại màu tập trung nhiều nhất ở vùng núi Cordilera là

- A. vàng, đồng, boxit, chì.
- B. kim cương, boxit, kẽm.
- C. thiếc, kim cương, vàng.
- D. đồng, thiếc, kẽm.

Câu 10. Khí hậu của Hoa Kỳ ở vùng ven Thái Bình Dương là

- A. nhiệt đới và cận nhiệt gió mùa.
- B. ôn đới và cận nhiệt lục địa.
- C. cận nhiệt đới và ôn đới hải dương.
- D. hoang mạc và bán hoang mạc.

Câu 11. Đặc điểm địa hình nổi bật của dãy núi Appalachia ở phía đông Hoa Kỳ là gì?

- A. Núi trẻ, đỉnh nhọn, sườn dốc và độ cao trung bình.
- B. Cao đồ sộ, sườn dốc, xen các bồn địa, cao nguyên.
- C. Nhiều dãy núi chạy song song hướng Bắc - Nam.
- D. sườn thoải và có nhiều thung lũng rộng cắt ngang.

Câu 12. Việc khai thác than đá ở vùng núi Appalachia rất thuận lợi là do

- A. nằm lộ thiên trên mặt đất.
- B. nhiều đồi thấp, sườn thoải.
- C. nằm sâu ở trong lòng đất.
- D. phân bố ven sông, hồ lớn.

Câu 13. Các đồng bằng phù sa ven Đại Tây Dương của Hoa Kỳ có khí hậu

- A. ôn đới hải dương và cận nhiệt đới.
- B. cận nhiệt lục địa và nhiệt đới gió mùa.
- C. nhiệt đới gió mùa và xích đạo.
- D. ôn đới hải dương, cận nhiệt lục địa.

Câu 14. Các đồng bằng phù sa có diện tích tương đối lớn của Hoa Kỳ phân bố tập trung chủ yếu ở

- A. phía tây ven Thái Bình Dương.
- B. vùng trung tâm lãnh thổ.
- C. phía bắc giáp Canada.
- D. phía đông ven Đại Tây Dương.

Câu 15. Vùng phía đông ven Đại Tây Dương của Hoa Kỳ rất thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp nhờ có

- A. đất phì nhiêu và khí hậu ôn hoà.
- B. mật độ sông dày đặc, nhiều nước.
- C. lượng mưa lớn, mưa quanh năm.
- D. địa hình bằng phẳng, nhiều ô trũng.

Câu 16. Phía bắc vùng Trung tâm của Hoa Kỳ có khí hậu chủ yếu là

- A. nhiệt đới.
- B. cận nhiệt.
- C. ôn đới.
- D. cận cực.

Câu 17. Phần phía nam vùng Trung tâm của Hoa Kỳ rất thuận lợi cho phát triển trồng trọt nhờ có thuận lợi về

- A. khí hậu ôn đới hải dương, ôn hoà.
- B. nước ngầm phong phú, bồn địa lớn.
- C. địa hình đồi thấp và nhiều đồng cỏ.
- D. đồng bằng rộng lớn, đất phì nhiêu.

Câu 18. Bán đảo Alaska tiếp giáp hai đại dương là

- A. Đại Tây Dương và Ấn Độ Dương.
- B. Bắc Băng Dương và Thái Bình Dương.
- C. Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương.
- D. Bắc Băng Dương và Đại Tây Dương.

Câu 19. Quần đảo Hawaii nằm trên đại dương nào?

- A. Ấn Độ Dương.
- B. Bắc Băng Dương.
- C. Thái Bình Dương.
- D. Đại Tây Dương.

Câu 20. Đặc điểm nào sau đây **không** đúng về đặc điểm dân cư Hoa Kỳ?

- A. Đông hàng đầu thế giới.
- B. Dân số tăng khá nhanh.
- C. Tăng chủ yếu do nhập cư.
- D. Người gốc Phi nhiều nhất.

Câu 21. Phát biểu nào sau đây **không** phải là lợi thế mà người nhập cư mang lại cho Hoa Kỳ?

- A. Nguồn lao động dồi dào.
- B. Lao động chất lượng cao.
- C. Văn hoá, tôn giáo phức tạp.
- D. Nguồn vốn đầu tư rất lớn.

Câu 22. Dân bản địa của Hoa Kỳ là người

- A. da trắng.
- B. Anh-điêng.
- C. châu Á.
- D. da đen.

Câu 23. Dân số Hoa Kỳ tăng nhanh chủ yếu do

- A. nhập cư đông.
- B. tỉ suất tử thấp.
- C. gia tăng tự nhiên cao.
- D. tỉ suất sinh cao.

Câu 24. Dân cư của Hoa Kỳ phân bố chủ yếu ở các thành phố vừa và nhỏ nên hạn chế được vấn đề nào sau đây?

- A. Tắc nghẽn giao thông đô thị.
- B. Mật tiêu cực của đô thị hóa.
- C. Di dân tự do ra các thành thị.
- D. Tình trạng đô thị hoá tự phát.

Câu 25. Dân cư Hoa Kỳ đang có xu hướng di chuyển từ các bang vùng Đông Bắc đến các bang

- A. phía nam và phía bắc ven khu vực Ngũ Hồ.
- B. phía nam và ven bờ của Thái Bình Dương.

- C. phía tây ven Thái Bình Dương và Trung tâm.
- D. vùng Trung tâm và vùng núi hiểm trở Cordilera.

Câu 26. Trong cơ cấu GDP, tỉ trọng ngành dịch vụ của Hoa Kỳ

- A. thấp hơn nông nghiệp.
- B. cao nhất.
- C. thấp hơn công nghiệp.
- D. thấp nhất.

Câu 27. Phát biểu nào sau đây **không** đúng về ngành ngoại thương của Hoa Kỳ hiện nay?

- A. Giai đoạn 1990 - 2004, giá trị nhập siêu tăng.
- B. Giá trị xuất khẩu lớn hơn giá trị nhập khẩu.
- C. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu lớn nhất thế giới.
- D. Có giá trị nhập siêu lớn nhất thế giới hiện nay.

Câu 28. Phát biểu nào sau đây **không** đúng về ngành hàng không của Hoa Kỳ?

- A. Vận chuyển 1/3 tổng hành khách trên thế giới.
- B. Số lượng sân bay nhiều nhất thế giới hiện nay.
- C. Có khoảng 30 hãng hàng không lớn hoạt động.
- D. Tốc độ phát triển chậm nhất ngành giao thông.

Câu 29. Ngành kinh tế tạo ra nguồn hàng xuất khẩu chủ yếu cho Hoa Kỳ là

- A. công nghiệp.
- B. nông nghiệp.
- C. chăn nuôi.
- D. thủy sản.

Câu 30. Ngành kinh tế nào sau đây tạo ra nguồn thu lớn cho Hoa Kỳ hiện nay?

- A. Hàng không, viễn thông.
- B. Du lịch và thương mại.
- C. Ngân hàng và tài chính.
- D. Vận tải biển và du lịch.

Câu 31. Phát biểu nào sau đây **không** đúng về ngành dịch vụ của Hoa Kỳ?

- A. Chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu GDP.
- B. Là ngành thể hiện sức mạnh của nền kinh tế.
- C. Phát triển mạnh với cơ cấu ngành đa dạng.
- D. Ngành du lịch đóng vai trò quan trọng nhất.

Câu 32. Tỉ trọng các ngành công nghiệp nào sau đây của Hoa Kỳ có xu hướng giảm?

- A. Hàng không - vũ trụ, luyện kim.
- B. Gia công đồ nhựa và điện tử.
- C. Hàng không - vũ trụ và dệt.
- D. Luyện kim, gia công đồ nhựa.

Câu 33. Đặc điểm nổi bật của ngành công nghiệp Hoa Kỳ là

- A. có xu hướng tăng tỉ trọng giá trị GDP.
- B. tạo ra nguồn hàng xuất khẩu chủ yếu.
- C. tạo nên sức mạnh của nền kinh tế.
- D. tập trung chủ yếu ở vùng Đông Bắc.

Câu 34. Ngành công nghiệp Hoa Kỳ **không** có đặc điểm nào sau đây?

- A. Tạo ra nguồn hàng xuất khẩu chủ yếu.
- B. Có tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu GDP.
- C. Tỉ trọng của ngành có xu hướng giảm.
- D. Gồm: chế biến, điện lực, khai khoáng.

Câu 35. Sản lượng của ngành công nghiệp ở Hoa Kỳ đứng đầu thế giới là

- A. điện lực.
- B. than đá.
- C. nhôm.
- D. dầu thô.

Câu 36. Công nghiệp điện lực của Hoa Kỳ **không** bao gồm ngành nào sau đây?

- A. Khai thác than.
- B. Nhiệt điện.
- C. Thủy điện.
- D. Điện nguyên tử.

Câu 37. Các ngành công nghiệp truyền thống của Hoa Kỳ gồm

- A. chế tạo ô tô, luyện kim, đóng tàu.
- B. viễn thông, điện tử, đóng tàu.
- C. luyện kim, chế tạo ô tô, hoá dầu.
- D. đóng tàu, viễn thông, luyện kim.

Câu 38. Các ngành công nghiệp hiện đại của Hoa Kỳ gồm

- A. hoá dầu, luyện kim, đóng tàu.
- B. viễn thông, luyện kim, đóng tàu.
- C. luyện kim, chế tạo ô tô, hoá dầu.
- D. điện tử, viễn thông, hàng không - vũ trụ.

Câu 39. Vùng Đông Bắc của Hoa Kỳ phát triển mạnh các ngành công nghiệp truyền thống là nhờ có

- A. quặng sắt và than đá dồi dào.
- B. dầu mỏ và khí đốt với trữ lượng lớn.
- C. địa hình đồng bằng, đất đai màu mỡ.
- D. sông dốc, trữ năng thủy điện lớn.

Câu 40. Các ngành hàng không - vũ trụ, hoá dầu, công nghệ thông tin... phân bố tập trung ở khu vực nào của Hoa Kỳ?

- A. Vùng núi Cordilera và ven Ngũ Hồ.
- B. Ven Thái Bình Dương và phía nam.
- C. Phía nam và vùng Trung tâm.
- D. Vùng Đông Bắc và ven Ngũ Hồ.

Câu 41. Biểu hiện nào sau đây đúng với xu hướng đa dạng hoá nông sản trên một diện tích lãnh thổ của Hoa Kỳ?

A. Các vành đai chuyên canh chuyển thành các vùng sản xuất chuyên canh quy mô lớn hơn để phục vụ công nghiệp chế biến.

B. Các vành đai chuyên canh chuyển thành các vùng sản xuất chuyên canh quy mô lớn hơn để phục vụ cho hoạt động xuất khẩu.

C. Các vành đai chuyên canh chuyển thành các vùng sản xuất nhiều loại nông sản hàng hoá theo mùa vụ phục vụ nhu cầu thị trường.

D. Các vành đai chuyên canh chuyển thành các vùng sản xuất chuyên canh quy mô lớn hơn để phục vụ cho nhu cầu thị trường.

Câu 42. Phát biểu nào sau đây **không** đúng về ngành nông nghiệp của Hoa Kỳ hiện nay?

- A. Nông nghiệp hàng hoá phát triển mạnh.
- B. Chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu GDP.
- C. Xuất khẩu nông sản lớn nhất thế giới.
- D. Hình thức sản xuất chủ yếu là trang trại.

Câu 43. Hiện nay, sản xuất công nghiệp của Hoa Kỳ có xu hướng mở rộng

- A. về phía tây và lên phía bắc quanh vùng Ngũ Hồ.
- B. lên phía bắc quanh vùng Ngũ Hồ và xuống phía nam.
- C. xuống vùng phía nam và ven Thái Bình Dương.
- D. xuống phía nam và lên phía bắc của vùng Trung tâm.

Câu 44. Cơ cấu nông nghiệp của Hoa Kỳ **không** phát triển theo hướng nào sau đây?

- A. Giảm tỉ trọng của hoạt động thuần nông.
- B. Đa dạng hoá nông sản trên cùng lãnh thổ.
- C. Tăng nhanh tỉ trọng dịch vụ nông nghiệp.
- D. Hình thức sản xuất chủ yếu là trang trại.

Câu 45. Ý nào sau đây thể hiện đúng xu hướng thay đổi của trang trại ở Hoa Kỳ hiện nay?

- A. Số lượng trang trại giảm, quy mô diện tích trang trại tăng.
- B. Số lượng trang trại tăng, quy mô diện tích trang trại giảm.
- C. Số lượng trang trại và quy mô diện tích trang trại đều tăng.
- D. Số lượng trang trại và quy mô diện tích trang trại đều giảm.